

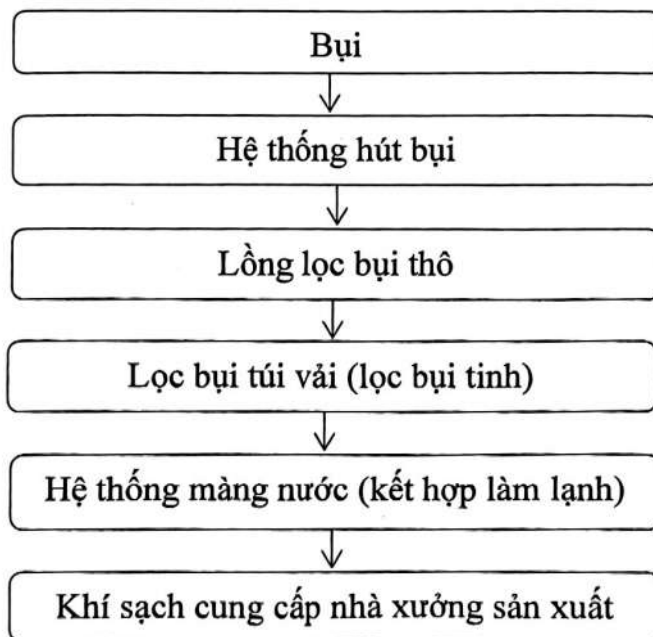


- Công suất thiết kế: 34.000 m³/giờ/hệ thống
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm

9. Công trình xử lý bụi cho xưởng sợi

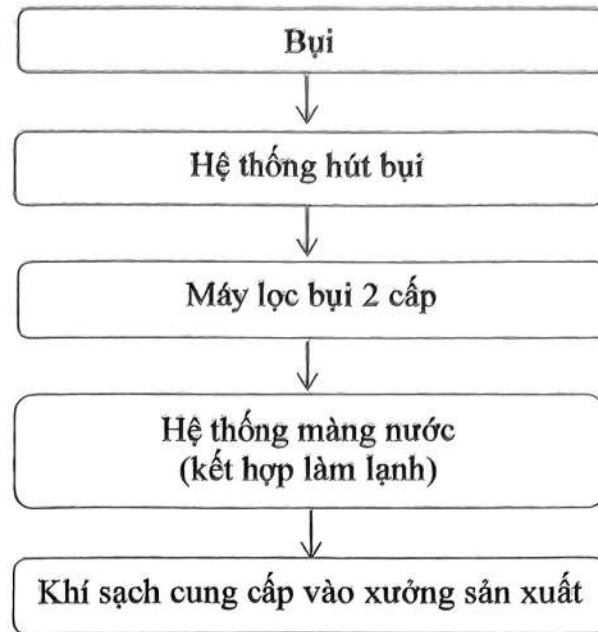
- Lắp đặt 137 Hệ thống thu gom, xử lý bụi tại các công đoạn làm sợi con, công đoạn ghép sợi thô, đánh ống tại các xưởng: 18 hệ thống tại xưởng A, 18 hệ thống tại xưởng B, 17 hệ thống tại xưởng C, 16 hệ thống tại xưởng D, 07 hệ thống tại xưởng E, 17 hệ thống tại xưởng F, 21 hệ thống tại xưởng G, 23 hệ thống tại xưởng H.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



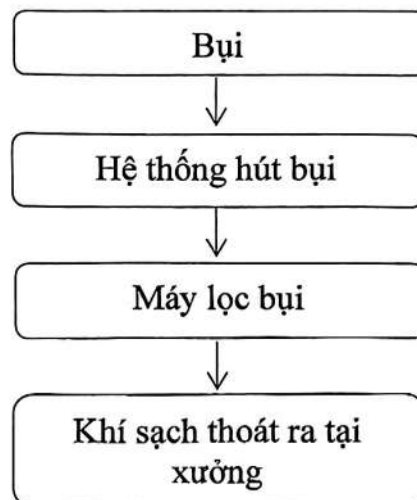
- Lắp đặt 144 Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn chải kỹ, máy chải, máy cuộn cúi tại các xưởng gồm: 17 hệ thống tại xưởng A, 17 hệ thống tại xưởng B, 18 hệ thống tại xưởng C, 18 hệ thống tại xưởng D, 17 hệ thống tại xưởng E, 17 hệ thống tại xưởng F, 17 hệ thống tại xưởng G, 17 hệ thống tại xưởng H.

thông tại xưởng D, 18 hệ thống tại xưởng E, 18 hệ thống tại xưởng F, 19 hệ thống tại xưởng G, 19 hệ thống tại xưởng H.

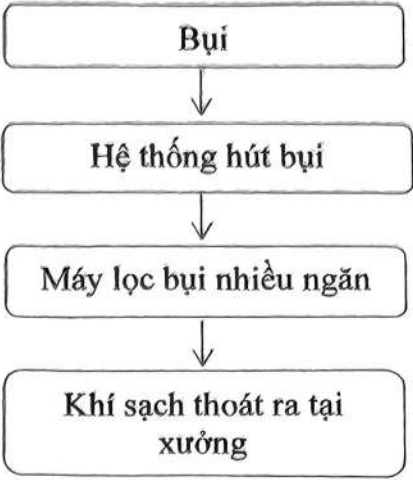


10. Công trình xử lý bụi cho công đoạn đánh toir vải nguyên liệu xưởng V1 và V2

- 01 hệ thống xử lý bụi đi kèm thiết bị tại khu vực xưởng V1:



- 01 hệ thống xử lý bụi tại khu vực xưởng phụ V2:



2.1.2. Tổng lưu lượng khí thải phát sinh trong năm báo cáo và năm báo cáo gần nhất:

Bảng 8: Tổng lưu lượng khí thải phát sinh của lò hơi quan trắc khí thải liên tục, tự động

STT	Thời gian	Tổng lưu lượng trung bình (m ³ /giờ)	
		Năm 2023	Năm 2024
1	01/12/2024	65.641	71.946,06
2	01/11/2024	67.710	78.711,06
3	01/10/2024	72.722	70.800,88
4	01/09/2024	67.162	66.585,88
5	01/08/2024	72.982	65.237,26
6	01/07/2024	73.817	72.061,61
7	01/06/2024	66.624	80.242,81
8	01/05/2024	71.402	76.353,04
9	01/04/2024	65.711	71.879,69
10	01/03/2024	69.328	70.516,85
11	01/02/2024	54.917	71.216,85
12	01/01/2024	51.989	72.136,85

Nguồn: Công ty TNHH Brotex (Việt Nam), 2024

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ

- Thời gian quan trắc:
 - + Quý 1: 20/3/2024
 - + Quý 2: 01/7/2024
 - + Quý 3: 07/10/2024
 - + Quý 4: 16/12/2024
- Tần suất quan trắc: 4 đợt/năm (riêng không khí môi trường lao động thì 1 lần/năm).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 12. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực bên trong xưởng sợi	KK MTLĐ	Ngày 20/3/2024			
-	Điểm quan trắc 1	KL.032009	Ngày 20/3/2024	1233 324	590 569	Tại xưởng sợi khu A-A
-	Điểm quan trắc 2	KL.032010	Ngày 20/3/2024	1234 303	589 949	Tại xưởng sợi khu A-B
-	Điểm quan trắc 3	KL.032011	Ngày 20/3/2024	1234 305	589 945	Tại xưởng sợi khu A-C
-	Điểm quan trắc 4	KL.032012	Ngày 20/3/2024	1234 020	590 670	Tại xưởng sợi khu A-D
-	Điểm quan trắc 5	KL.032013	Ngày 20/3/2024	1234 303	589 948	Tại xưởng sợi khu A-E
-	Điểm quan trắc 6	KL.032014	Ngày 20/3/2024	1233 513	590 005	Tại xưởng sợi khu A-F
-	Điểm quan trắc 7	KL.032015	Ngày 20/3/2024	1234 372	590 153	Tại xưởng sợi khu A-G
-	Điểm quan trắc 8	KL.032016	Ngày 20/3/2024	1234 015	590 663	Tại xưởng sợi khu A-H
-	Điểm quan trắc 9	KL.032017	Ngày 20/3/2024	1233 996	590 602	Tại xưởng sợi Xưởng phụ V1
-	Điểm quan trắc 10	KL.032018	Ngày 20/3/2024	-	-	Tại xưởng sợi Xưởng phụ V2
2	Khu vực lò hơi	KT LH				
-	Điểm quan trắc 1	KT.032038	Ngày 20/3/2024	1233 054	590 227	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
		KT.0769	Ngày 01/7/2024			
		KT.092101	Ngày 21/9/2024			
		KT.121601	Ngày 16/12/2024			
3	Khu vực xử lý hơi hóa chất	KT				
-	Điểm quan trắc 1	KT.032039	Ngày 20/3/2024	1233 052	590 229	Tại ống thoát khí hệ thống hơi hóa chất (khu vực cân
		KT.0770	Ngày 01/7/2024	1233 405	590 400	
		KT.092102	Ngày 21/9/2024	1233 052	590 229	

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc đo, pha trộn hóa chất)
		KT.121602	Ngày 16/12/2024	Kinh độ	Vĩ độ	
				1233 052	590 229	

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 18 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 19:2009/BTNMT, CỘT B và QCVN 20:2009/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. Số Vimcerts: 241, V/LAT-1.0596.

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt QCVN:

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 13. Kết quả quan trắc không khí môi trường lao động

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Đo tại hiện trường	Lấy mẫu và bảo quản			
			Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Bụi toàn phần	Bụi hô hấp
			°C	%	m/s	mg/m ³	mg/m ³
1	KKMTLĐ	KL.032009	30,6	70,4	0,7	0,28	0,1
		KL.032010	31,1	71,7	0,6	0,33	0,14
		KL.032011	30,8	71,3	0,4	0,35	0,17
		KL.032012	31,3	69,7	0,5	0,4	0,19
		KL.032013	30,7	70,2	0,8	0,31	0,13
		KL.032014	31	69,4	0,5	0,27	0,11
		KL.032015	31,5	69,1	0,7	0,36	0,15
		KL.032016	31,2	70,7	0,6	0,29	0,12
		KL.032017	30,9	71,5	0,4	0,26	0,1
		KL.032018	31,4	70,1	0,5	0,3	0,13
Giá trị QCVN 02:2019/ BYT			-	-	-	8	4
Giá trị QCVN 26:2016/ BYT			18-32	40-80	0,2-1,5	-	-

Nguồn: Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh, 2024

- Kết luận:

Từ kết quả quan trắc môi trường không khí môi trường lao động của năm 2024 tại khu vực bên trong xưởng sợi như: khu vực xưởng A-A, khu vực xưởng A-B, khu vực xưởng A-C, khu vực xưởng A-D, khu vực xưởng A-E, khu vực xưởng A-F, khu vực xưởng A-G, khu vực xưởng A-H, Xưởng phụ V1 và Xưởng phụ V2 của Nhà máy cho thấy các thông số quan trắc như: Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Bụi toàn phần, Bụi hô hấp đều đảm bảo đạt so với QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, ... và QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học ...

Bảng 14. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi

TT	Ký hiệu điểm quan	Ký hiệu mẫu	Đo tại hiện trường	Lấy mẫu và bảo quản
----	-------------------	-------------	--------------------	---------------------

	trắc		Lưu lượng	Bụi	NO _x (tính theo NO ₂)	SO ₂	CO
			m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1	KTLH-Quý 1	KT.032038	4.361	KPH (MDL=0,041)	KPH (MDL=1,04)	71,9	KPH (MDL=0,041)
	KTLH-Quý 2	KT.0769	75.836	41,2	73,2	122	105
	KTLH-Quý 3	KT.092101	92.615	29	71,1	145	90,2
	KTLH-Quý 4	KT.121601	92.906	32,4	85,2	139	101
Giá trị QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B			-	200	850	500	1.000

Nguồn: Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh, 2024

- Kết luận:

Từ kết quả quan trắc môi trường khí thải lò hơi của 04 Quý năm 2024 sau Hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Nhà máy cho thấy các thông số quan trắc đều đảm bảo đạt so với QCVN 19:2019/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng khí thải công nghiệp.

Bảng 15. Kết quả quan trắc khí thải hơi hóa chất

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Lấy mẫu và bảo quản			
			Lưu lượng	Benzene	Toluene	Clorbenzene
			m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1	KT-Quý 1	KT.032039	4.361	KPH (MDL=0,041)	KPH (MDL=1,04)	71,9
	KT-Quý 2	KT.052702	1.530	KPH (MDL=1,04)	KPH (MDL=0,63)	KPH (MDL=1,30)
	KT-Quý 3	KT.092102	4.519	KPH (MDL=1,04)	52	KPH (MDL=0,041)
	KT-Quý 4	KT.121602	4.773	KPH (MDL=1,04)	<2,10 ^(a)	-
Giá trị QCVN 20:2009/ /BTNMT			-	5	750	350

Nguồn: Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh, 2024

- Kết luận:

Từ kết quả quan trắc môi trường khí thải hơi hóa chất của 04 Quý năm 2024 tại Ống thoát khí sau hệ thống hơi hóa chất (khu vực cân đo, pha trộn hóa chất) của Nhà máy có các thông số như: Lưu lượng, Benzene, Toluene, Clorbenzene đều đảm bảo đạt so với QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3 Quan trắc khí thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi

a). Thông tin chung về hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

- Vị trí, địa điểm lắp đặt trạm (kèm tọa độ và bản đồ vị trí đặt trạm): Ống khói thoát khí thải chung của 04 lò hơi.

- Mô tả đặc điểm nguồn thải được giám sát

- Tần suất thu nhận dữ liệu: 5 phút/lần.

- Danh mục thông số quan trắc: Lưu lượng, O₂, Nhiệt độ, SO₂, NO_x, CO, Áp suất (PM).

- Giá trị QCVN để so sánh với giá trị quan trắc đối với từng thông số là QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị:
- + Kiểm tra, hiệu chuẩn: 1 tuần/1 lần.
- + Kiểm định: 1 năm/lần.

b) Tình trạng hoạt động của trạm

1. Tín hiệu mạng không ổn định.

- Nguyên nhân sự cố: do đứt cáp nội bộ Công ty
 - Biện pháp khắc phục áp dụng: kiểm tra đường cáp thay thế hoặc sửa chữa.
- Các khoản thời gian hệ thống quan trắc tự động dừng hoạt động: không dừng

c). Nhận xét kết quả quan trắc

Bảng 16. Thống kê số giá trị quan trắc khí thải trung bình tháng của năm 2024

Tháng	Thông số quan trắc							
	O ₂ (mg/Nm ³)	Nhiệt độ (°C)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	Bụi tổng (mg/Nm ³)	PRESS (mbar)	Lưu lượng (m ³ /h)
THÁNG 1	14,99	91,52	164,49	156,53	202,72	24,93	101,50	72.136,85
THÁNG 2	14,87	91,22	164,59	155,53	211,72	23,73	101,30	71.216,85
THÁNG 3	14,47	90,32	174,59	166,53	212,72	24,73	101,10	70.516,85
THÁNG 4	14,84	86,86	204,41	128,35	297,42	27,68	101,18	71.879,69
THÁNG 5	14,89	92,93	146,23	82,43	104,11	23,08	101,14	76.353,04
THÁNG 6	14,65	96,96	135,06	73,65	114,37	27,18	101,04	80.242,81
THÁNG 7	14,44	86,91	121,39	65,99	184,01	36,63	100,97	72.061,61
THÁNG 8	15,91	83,95	168,33	83,11	217,26	30,91	100,97	65.237,26
THÁNG 9	17,34	85,54	203,57	124,15	186,08	25,12	100,99	66.585,88
THÁNG 10	15,50	95,66	87,38	119,88	158,61	67,25	100,72	70.800,88
THÁNG 11	15,50	90,78	60,63	104,80	125,44	70,07	100,80	78.711,06
THÁNG 12	15,77	94,88	33,71	65,67	51,55	117,04	100,59	71.946,06

Nguồn: Công ty TNHH Brotex VN, 2024

d). Kết luận:

Chất lượng nước thải tại Trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục, cố định của Công ty năm 2024 đảm bảo tốt theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp. Cho thấy giá trị các thông số trung bình các ngày trong từng tháng đều đạt quy chuẩn cho phép.

3. Về quản lý chất thải rắn

Thống kê chất thải phát sinh (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTRSH, CTCRCNTT thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Thống kê CTRSH:

Bảng 17. Thống kê số lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2024

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	734.270	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	Hợp đồng số: 130/2022/HĐ-SVI, ngày 01/01/2022.
	Tổng khối lượng	734.270		

3.2 Thống kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Bảng 18. Thống kê số lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2024

TT	Nhóm CTCRCNTT	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT	Ghi chú
1.	Bao, dây đai	526.490	Công ty CP Môi trường xanh VN	Hợp đồng số: TN191/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 03/9/2024
2.	Sắt, sắt phế liệu, sắt vụn	338.970		
3.	Giấy, giấy phế, giấy carton	596.833		
4.	Gỗ, gỗ vụn	-		
5.	Bông phế bụi (tơ dính cát)	398.290		
6.	Bông phế liệu	15.787.110	Công ty TNHH Thực nghiệp Dệt Kangna Việt Nam	HĐ/BPL/20241218-A, ngày 12/12/2024
7.	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (*)	5.033.714	Công ty CP Môi trường xanh VN	HĐ số TN189/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024
8.	Xi than phát sinh tại lò hơi (**)	748.376	Công ty CP Thuận Hải Commodities	HĐ số 122023/BROTEX-THC-AHT, ngày 01/12/2023
			Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến	HĐ số 082023/HĐ-BROTEX-XLCT, ngày 26/8/2023
	Tổng	23.429.783		

Đối với (*) bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và () tro, xỉ than từ lò hơi**

Công ty đã tiến hành phân tích các chỉ tiêu kim loại nặng có trong xỉ than và Bùn thải theo QCVN 50:2013/BTNMT và tro, xỉ than theo QCVN 07:2009/BTNMT (Kết quả phân tích đính kèm phần phụ lục)

- Thời gian quan trắc:

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 - Khu A

- + Quý 1: 20/3/2024
- + Quý 2: 01/7/2024
- + Quý 3: 21/9/2024
- + Quý 4: 16/12/2024
- Tần suất quan trắc: 4 đợt/năm
- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu bùn thải tại kho bùn khu A; 01 mẫu Xỉ than lò hơi
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 50:2013/BTNMT và QCVN 07:2009/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. Số Vimcerts: 241, VLAT-1.0596.
- Kết quả quan trắc và nhận xét:

Bảng 19. Thống kê chất lượng Bùn thải của Nhà máy trong năm 2024

Thông số	Đơn vị tính	Kết quả				50 H (H
		BT-Q1/2024 BT.0313	BT-Q2/2024 BT.052701	BT-Q3/2024 BT.092101	BT-Q4/2024 BT.112801	
H	--	6,35	8,50	7,8	7,7	
sen (As)	mg/kg	KPH (MDL=0,37)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)	
ạc (Ag)	mg/kg	KPH (MDL=1,5)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)	
adimi (Cd)	mg/kg	KPH (MDL=0,30)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,5)	
hì (Pb)	mg/kg	8,71	206	KPH (MDL=0,5)	9,34	
elen (Se)	mg/kg	KPH (MDL=0,15)	24,9	KPH (MDL=0,05)	146	
ari (Ba)	mg/kg	KPH (MDL=8,4)	20,1	KPH (MDL=0,5)	10,1	
oban (Co)	mg/kg	KPH (MDL=1,5)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,2)	
ẽm (Zn)	mg/kg	22,9	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)	
iken (Ni)	mg/kg	15,4	21,7	KPH (MDL=0,5)	13,8	
ủ ngân Ig)	mg/kg	KPH (MDL=0,061)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=1,0)	
rom VI (Cr ⁶⁺)	mg/kg	7,50	KPH (MDL=5,0)	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=5,0)	
ồng cyanua (CN ⁻)	mg/kg	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=5,0)	KPH (MDL=1,0)	
ồng dầu	mg/kg	26,3	16,0×10 ³	KPH (MDL=0,5)	9,92×10 ³	
enol	mg/kg	KPH	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=10)	
enzene	mg/kg	KPH	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=1,0)	
luene	mg/kg	KPH	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=1,0)	
lobenzene	mg/kg	KPH	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=1,0)	
apthalene	mg/kg	KPH	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=1,0)	

Nguồn: Công ty TNHH môi trường Dươ

hân xét:

t qua các chỉ tiêu kim loại nặng có trong bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của 04 Quý năm 2024 của Nhà máy
n trực đều đảm bảo đạt ngưỡng cho phép theo QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng
từ qua trình xử lý nước. Riêng kết quả tồng dầu tại quý 2 và quý 4 năm 2024 cao hơn ngưỡng cho phép so với quý

20. Thông kê chất lượng tro, xỉ than tại lò hơi của Nhà máy trong năm 2024

Thông số	Đơn vị	Kết quả				07:20 Người tuyệt
		XT-Q1/2024 CT.032001	XT-Q2/2024 CTR.0702	XT-Q3/2024 CT.092102	XT-Q4/2024 CT.121601	
mg/Kg	0,86	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	
mg/Kg	6,21	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,2)	
mg/Kg	19,7	11,7	KPH (MDL=0,5)	<3,0 ^(a)		
mg/Kg	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,05)	36,3		
mg/Kg	KPH (MDL=8,0)	<3,0	KPH (MDL=0,5)	8,07		
mg/Kg	KPH (MDL=1,5)	<3,0	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,4)		
mg/Kg	30,3	KPH (MDL=0,4)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=1,0)		
mg/Kg	14,5	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,5)	76,6		
mg/Kg	KPH (MDL=0,060)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=1,0)		
mg/Kg	KPH (MDL=1,5)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=1,0)		

Xét:

t qua các chỉ tiêu kim loại nặng có trong tro, xỉ than phát sinh từ lò hơi của 04 Quý năm 2024 của Nhà máy cho t
đều đảm bảo đạt ngưỡng cho phép theo QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất t

ông ty TNHH Brolex (VN)
: Công ty TNHH Tư vấn Hải Phong

Trang 41

3.3. Về quản chất thải nguy hại:

Bảng 21. Thông kê số lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2024

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	25.220	TĐ	HĐ số TN189/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024 (Công ty CP Môi trường Xanh VN, Mã số QL CTNH: 3-4-5-6.005VX)
2	Bao bì nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	170	Súc rửa	
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	10 02 02	10	TĐ	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (nhớt thải)	17 02 03	3.790	TC_TĐ	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	230	Súc rửa	
6	Dầu ăn thải	16 01 08	6.730	TC-TĐ	HĐ số TN190/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024 (Công ty CP Môi trường Xanh VN, Mã số QL CTNH: 3-4-5-6.005VX)
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	-	TĐ	HĐ số TN189/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024 (Công ty CP Môi trường Xanh VN, Mã số QL CTNH: 3-4-5-6.005VX)
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1.480	PT-HR	
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	-	PT-HR	
10	Bao bì mềm thải	18 01 01	1.950	TĐ	
11	Linh kiện điện tử	16 01 13	90	PT	
12	Rác y tế	13 01 01	10	TĐ	
	TỔNG		39.680		

Nguồn: Công ty TNHH Brotex VN, 2024

3.1. Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

– *Công trình, Biện pháp thu gom:* Chất thải nguy hại tại Công ty đang được lưu trữ trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng theo từng chủng loại riêng biệt và được chứa trong khu vực riêng, phía bên ngoài Công ty thiết kế mái che kín nắng, mưa cho toàn khu vực lưu trữ. Thực hiện dán nhãn chất thải nguy hại cung cấp các thông tin như tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại theo danh mục chất thải nguy hại.

Kho lưu trữ chất thải nguy hại được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ như cát khô hoặc mùn cưa và xẻng để sử dụng trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, lấp đặt biển báo.

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại riêng với các loại chất thải rắn khác và được lưu trữ ở khu vực riêng biệt.

Chất thải nguy hại được lưu trữ trong kho lưu chứa CTNH khoảng 30 m². Nhà kho kín, lợp mái và lát nền xi măng chống rò rỉ, nhiễm lẫn xuống đất.

- *Đơn vị thu gom:* Công ty đã ký Hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN để xử lý (Hợp đồng số TN189/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024 đến 10/8/2025 và Hợp đồng số TN190/24/HĐXLTN-BR-A, ngày 10/8/2024 đến 10/8/2025 và sẽ tiến hành bàn giao trong thời gian sắp tới và báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư 02:2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

– Nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm về Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh và Ban quản lý khu kinh tế Tây Ninh.

– Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện theo các phương án thu gom và quản lý hiện tại đang áp dụng, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

– Ngoài ra, Công ty đã tiến hành lấy mẫu phân tích bùn thải và xỉ than chứng minh được lượng bùn và xỉ than này không phải là chất thải nguy hại nên công ty được quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường và báo cáo về Sở trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm. Việc lấy mẫu phân tích chứng minh bùn thải và xỉ than không phải là chất thải nguy hại được thực hiện đúng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải theo QCVN 50:2013/BTNMT.

4. Về phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

4.1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác nhau theo quy định pháp luật:

1. Sự cố hóa chất và khu chứa hóa chất

1.1 Biện pháp lưu trữ:

- Khu vực lưu trữ phải có biển báo.
- Có dữ liệu an toàn về hóa chất:
- + Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).

- + Thành phần hóa chất.
- + Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.
- + Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.
- + Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy...
- + Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính...
- Khu vực lưu trữ hóa chất phải đảm bảo về nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí.
- Nhà kho phải có tính chịu lửa, ngăn cách cháy, thoát hiểm, vật liệu cách nhiệt, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy và phòng chống cháy.
- Vật liệu xây dựng kho là vật liệu không bắt lửa và khung nhà được gia cố chắc chắn bằng bê tông hay thép.
- Nhà kho có lối ra, vào phù hợp, có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.
- Được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót... hóa chất.

1.2. Kế hoạch thực hiện:

- Xây dựng các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (bảng MSDS - Material Safety Data Sheet):
 - + Mục đích của bảng MSDS: báo cho người lao động về thuộc tính của các loại hóa chất, các khả năng gây thương tổn tiềm ẩn của hóa chất trong khu vực sản xuất theo luật thì người lao động có quyền được biết. Nó được đưa ra để cho những người cần phải tiếp xúc hay làm việc với hóa chất đó, không kể là dài hạn hay ngắn hạn các trình tự để làm việc với nó một cách an toàn hay các xử lý cần thiết khi bị ảnh hưởng của nó.
 - + Một bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) phải bao gồm các mục sau:
 - ✓ Tính đại diện hóa chất hay sự nguy hiểm hóa học.
 - ✓ Lý và hóa tính: dễ cháy, dễ phát hỏa, màu sắc, mùi vị, tỷ trọng riêng, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, điểm bắt lửa, điểm nổ, điểm tự cháy, độ nhớt, tỷ lệ bay hơi, áp suất hơi, thành phần phần trăm cho phép trong không khí, khả năng hòa tan trong các dung môi như nước, dung môi hữu cơ ...
 - ✓ Các điều kiện tiêu chuẩn để lưu giữ, bảo quản hóa chất trong kho (nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí, các hóa chất không tương thích v.v) cũng như các điều kiện cần tuân thủ khi tiếp xúc với hóa chất.
 - ✓ Nguy hiểm lý tính: sản phẩm phản ứng như thế nào đối với hóa chất khác. Khả năng phát nổ, phát hỏa.
 - ✓ Nguy hiểm đến sức khỏe: những dấu hiệu và triệu chứng có thể gây bệnh tật.
 - ✓ Thông tin về sản phẩm có gây ung thư hay không.

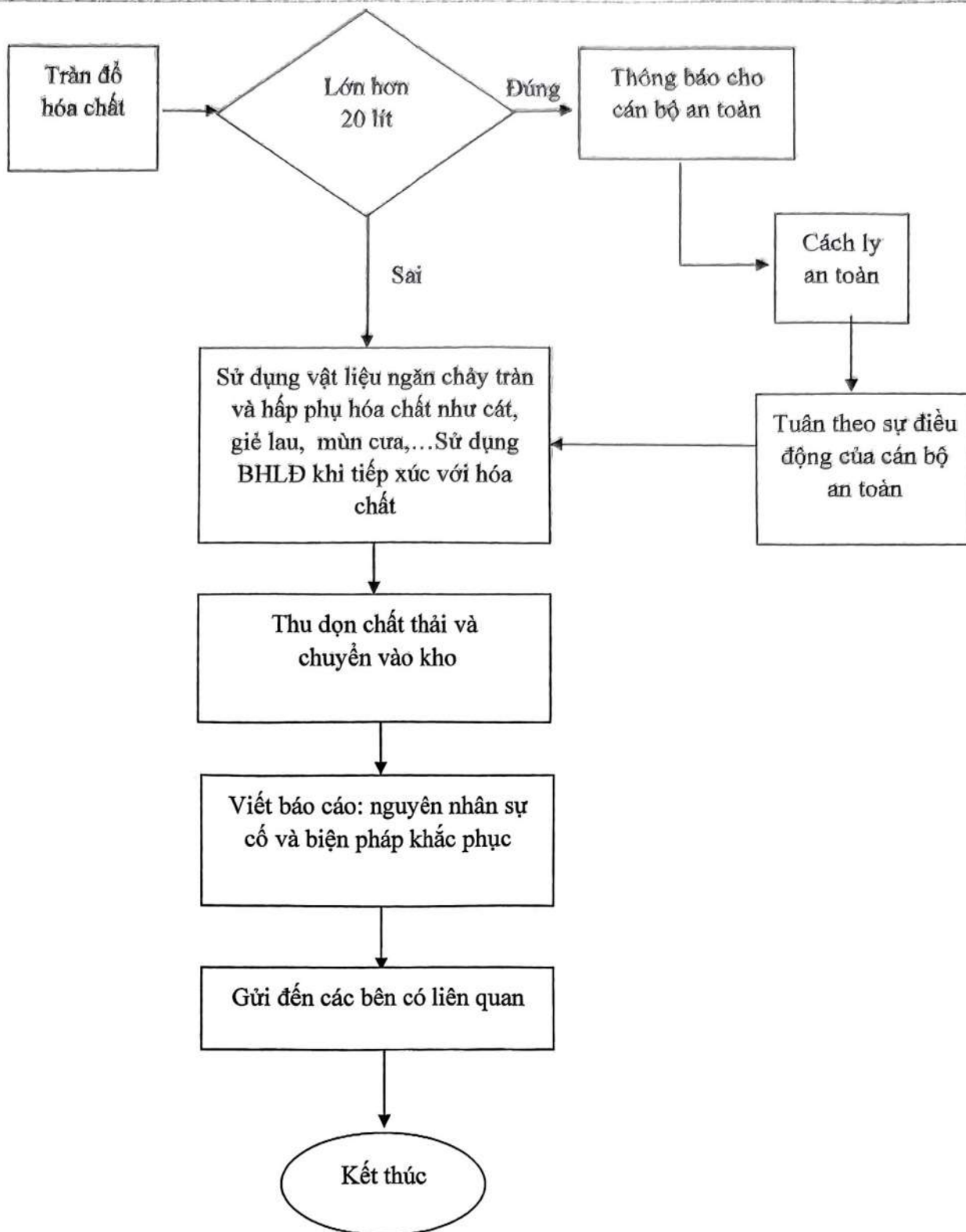
- ✓ Cách xử lý và sử dụng an toàn: làm gì khi hóa chất bị đổ ra ngoài.
- ✓ Thiết bị bảo hộ lao động cần sử dụng khi làm việc với hóa chất.
- ✓ Quy trình thao tác khi làm việc với hóa chất.
- ✓ Kiểm tra và biện pháp bảo vệ.
- ✓ Tình trạng khẩn cấp và thủ tục giúp đỡ đầu tiên làm thế nào để xử lý tai nạn khi sử dụng hóa chất.
- ✓ Phương pháp xử lý phế thải có chứa hóa chất đó cũng như xử lý kho tàng theo định kỳ hay khi bị rò rỉ hóa chất ra ngoài môi trường.
- ✓ Các quy định về đóng gói, tem mác và vận chuyển.
- ✓ Khả năng và hệ số tích lũy sinh học (BCF). Hệ số cô đọng sinh học BCF là tỷ số đo bằng nồng độ chất độc trong cơ thể sinh vật (mg/kg) với nồng độ chất độc trong môi trường thành phần (mg/kg).
- ✓ Từ MSDS được chuẩn bị lúc nào. Cập nhật hay thay đổi.
- ✓ Tên, địa chỉ, số điện của người chịu trách nhiệm soạn thảo MSDS.
- ✓ Tên gọi thương phẩm, tên gọi hóa học và các tên gọi khác cũng như các số đăng ký CAS, RTECS v.v.
- Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực lưu trữ hóa chất.
- Không được hút thuốc hay ăn uống khi sử dụng hóa chất.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên khi chiết rót hóa chất.
- Cung cấp cho công nhân bản hướng dẫn sử dụng hay bảng dữ liệu an toàn hóa chất của nhà cung cấp và mức độ độc hại của hóa chất khi sử dụng (các ký hiệu nguy hiểm thường được biểu diễn bằng màu cam và đen và được giải thích mỗi nguy hiểm của loại hóa chất đó).
- Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.
- Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.
- Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tây, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương...
- Tuân thủ theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007; Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Các biện pháp an toàn trong vận chuyển nguyên liệu, hóa chất

- Vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Vận chuyển hóa chất theo đúng lịch trình được ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển giữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa.
- Nghiêm cấm việc vận chuyển hóa chất trên các phương tiện cùng với chuyên chở khách hàng, chuyên chở vật nuôi, chuyên chở lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác.
- Người vận chuyển phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của hóa chất như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển; Khi đi theo hàng, nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Thùng chứa hóa chất để vận chuyển phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước.
- Tất cả các thùng chứa thuốc phải được dán biểu tượng nguy hiểm.
- Trước khi xếp hóa chất nguy hiểm lên phương tiện vận chuyển, người xếp hàng và người phụ trách phương tiện vận chuyển phải cùng kiểm tra, nếu phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn mới được xếp hàng lên.

1.4. Biện pháp ứng phó:



1.5. Các biện pháp ngăn ngừa chảy tràn đổ và rò rỉ hóa chất và an toàn lao động cho công nhân

- Nhà máy bố trí khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn.
- Các bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp;
- Bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nhằm sửa chữa, thay thế và

khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu.

- Khu vực chứa hóa chất không được đặt bất cứ vật gì phía trên.
- Tại khu vực chứa có gắn biển “Cấm lửa”, các loại xe và động cơ hoạt động phải cách ly với khu vực chứa khoảng 10m.
- Trong trường hợp bị rò rỉ trên mặt bằng nhà xưởng:
 - + Dùng giẻ lau, bông thấm lau sạch và thu gom giẻ lau vào thùng chứa và đậy kín.
 - + Không cho chất lỏng thoát vào cống, ống thoát nước hoặc các vùng ẩm thấp.
 - + Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về việc sử dụng các nguyên liệu nào để khắc phục những hậu quả xảy ra và đảm bảo phải tuân thủ theo những nguyên tắc của địa phương.
- Hạn chế công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất, trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt...
- Khi gặp trường hợp bị dính, hay nuốt phải dung môi thực hiện các biện pháp sơ cứu sau:
 - + Nếu nuốt phải: Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sỹ hoặc chở bệnh nhân đến bệnh viện.
 - + Nếu bị dính trên da hoặc tóc: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm bộ phận bị dính bằng nước vòi hoặc vòi hoa sen ít nhất 15 phút và sau đó rửa lại bằng xà bông và nước nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và hoặc phồng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm
 - + Nếu hít phải: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Liên hệ với trung tâm giải độc hoặc bác sỹ nếu thấy mệt mỏi. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo.
 - + Nếu bị dính vào mắt: thận trọng rửa bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế
 - + Nếu có hỏa hoạn: Dùng loại bột chống cồn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

4.2. Báo cáo công tác thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thôn vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.
- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ tắc nghẽn.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.
- Xây dựng 02 hồ sự cố với tổng thể tích chứa nước hữu ích của 02 hồ là 7.636,48 m³ để phòng ngừa ứng phó khi có sự cố nước thải xảy ra.

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Hồ sự cố số 1	Kích thước: D x R x C = 32 x 19 x 4m Kết cấu: Bê tông cốt thép vật liệu chống thấm Thể tích xây dựng: 2.432 m ³ Thể tích chứa nước: 1.945,6 m ³ Thời gian lưu: 3,89 giờ
2	Hồ sự cố số 2	Kích thước: D x R x C = 78 x 76 x 1,2m Kết cấu xây dựng: Bê tông cốt thép vật liệu chống thấm Thể tích xây dựng: 7.113,6 m ³ Thể tích chứa nước: 5.690,88 m ³ Thời gian lưu: 11,38 giờ

5. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Trong năm 2024, Công ty không có yêu cầu khắc phục của thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC

Bảng PL1: Kết quả quan trắc thành phần môi trường

Bảng PL2: Các văn bản pháp lý

Bảng PL1: KẾT QUẢ QUAN TRẮC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG

Bảng PL1.1: KẾT QUẢ QUAN TRẮC QUÝ 1/2024



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Số/No: 24.03.2970/15-13

Đơn vị yêu cầu/ Customer

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Biểu hiệu mẫu/ Mark of sample

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM - KHU A

: Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

: Nước thải sinh hoạt

: NT.032019 – Sau HTXL nước thải, công suất 220 m³/ngày, đem đầu nối vào hệ thống thu gom KCN (X=1233 325; Y=589 134)

: 20/03/2024

: 21/03/2024 – 27/03/2024

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

STT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,42	5 – 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05(*)	289	500
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	33	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	26	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	61	-
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	3,28	5
7	NO ₃ ⁻ N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ .E:2017(*)	16,5	30
8	PO ₄ ³⁻ P	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	1,97	6
9	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017(*)	KPH (MDL=0,04)	1,0
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017(*)	KPH (MDL=0,5)	10
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998(*)	0,26	5
12	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.400	3.000

Ghi chú/ Note:

1): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

PH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm

The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc

Dương Hoàng Thành

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

M01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH

CHI NHÁNH NINH THUẬN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 29,

Số 262

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

duonghuynh.vincerts241@gmail.com

duonghuynh.vincerts241@gmail.com



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-14

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

m vị yêu cầu/ Customer

điểm lấy mẫu/ Sampling location

địa chỉ/ Address

loại mẫu/ Type of sample

hiệu mẫu/ Mark of sample

ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

ngày thử nghiệm/ Date of testing

điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

kết quả thử nghiệm/ Testing results

: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM - KHU A

: Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

: Nước thải sinh hoạt

: NT.032020 - Sau HTXL nước thải, công suất 280 m³/ngày.đêm tại khu ký túc xá (X=1233 436; Y=589 552)

: 20/03/2024

: 21/03/2024 - 27/03/2024

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

T Số	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,09	5 - 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05(*)	264	500
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	27	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	23	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	55	-
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	2,86	5
7	NO ₃ ⁻ N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2017(*)	14,1	30
8	PO ₄ ³⁻ P	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	1,40	6
9	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017(*)	KPH (MDL=0,04)	1,0
0	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017(*)	KPH (MDL=0,5)	10
1	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998(*)	0,18	5
2	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.200	3.000

Chú/ Note:

1: Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

2H: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm

The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

M01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH

CHI NHÁNH NINH THUẬN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM * Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM - Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

25 262

☎ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

☎ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

☎ http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



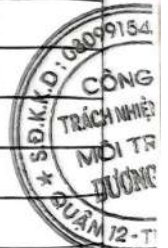
Số/No: 24.03.2970/15-15

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/2

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải sản xuất
Hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.032021 – Hồ ga đầu ra HTXL nước thải tập trung, công suất 12.000 m³/ngày.đêm) (X=1233 347; Y=589 928)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 20/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 21/03/2024 – 27/03/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

ST No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,25	6 – 9
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017(*)	22	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	19	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	20	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	49	75
6	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,87	5
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,41	4
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	13,3	20
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011(*)	KPH (MDL=0,2)	1
10	S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017(*)	KPH (MDL=0,04)	0,2
11	Cu	mg/L	SMEWW 3111.B:2023(**)	KPH (MDL=0,015)	2
12	Pb	mg/L	SMEWW 3113.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0023)	0,1



Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-15

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 2/2

T h	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
3	Zn	mg/L	SMEWW 3111.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0030)	3
4	Fe	mg/L	SMEWW 3500Fe.B:2017(*)	0,35	1
5	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017(*)	KPH (MDL=0,005)	0,05
6	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3111.B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023(**)	KPH (MDL=0,015)	0,2
7	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017(*)	KPH (MDL=0,3)	5
8	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	1.300	3.000

i chú/ Note:

: Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.

#: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Đỗ Hoàng Thành



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vincerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vincerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM
- KHU A

Địa chỉ/ Address

: Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông,
huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ Type of sample

: Vi khí hậu & không khí môi trường lao động

Biểu hiệu mẫu/ Mark of sample

: KL.032009 - Khu vực bên trong Xưởng A - A
(X=1233 324; Y=590 569)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

: 20/03/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 21/03/2024 - 27/03/2024

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

: Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

STT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	30,6	-	18-32
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	70,4	-	40-80
3	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,7	-	0,2-1,5
4	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,28	8	-
5	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,10	4	-

Chú thích/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

CPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vietcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy Tp. Hà Nội
duonghuynh.vietcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.032010 – Khu vực bên trong Xưởng A – B (X=1234 303; Y=589 949)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 20/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 21/03/2024 – 27/03/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

STT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	31,1	-	18-32
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	71,7	-	40-80
3	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,6	-	0,2-1,5
4	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,33	8	-
5	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,14	4	-

Lưu chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NYT.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH

CHI NHÁNH NINH THUẬN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

262

duonghuynh.vincerts241@gmail.com

duonghuynh.vincerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM
- KHU A

Địa chỉ/ Address

Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông,
huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ Type of sample

Vi khí hậu & không khí môi trường lao động

Hiệu mẫu/ Mark of sample

KL.032011 - Khu vực bên trong Xưởng A - C
(X=1234 305; Y=589 945)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 20/03/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

21/03/2024 - 27/03/2024

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

T STT	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	30,8	-	18-32
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	71,3	-	40-80
	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,4	-	0,2-1,5
	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,35	8	-
	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,17	4	-

Lưu ý/ Note:

(a) Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

MDL: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

M01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Trần Lai, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM * Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

☑ duonghuynh.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

☑ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

☑ http://duonghuynh.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address: Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample: Vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Hiệu mẫu/ Mark of sample: KL.032012 – Khu vực bên trong Xưởng A – D (X=1234 020; Y=590 670)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 20/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing: 21/03/2024 – 27/03/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions: Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results:

T Mã	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	31,3	-	18-32
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	69,7	-	40-80
	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,5	-	0,2-1,5
	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,40	8	-
	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,19	4	-

Chú ý/ Note:

1) Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

PH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.032013 – Khu vực bên trong Xưởng A – E (X=1234 303; Y=589 948)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 20/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 21/03/2024 – 27/03/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

STT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	30,7	-	18-32
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	70,2	-	40-80
	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,8	-	0,2-1,5
	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,31	8	-
	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,13	4	-

Chú/ Note:

a) Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

PH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đường Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Thị trấn Lái, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Thị trấn Lái, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vincerts24@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vincerts24@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.03.2970/15-6

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/03/2024
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address: Lô 34/6 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample: Vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Hiệu mẫu/ Mark of sample: KL.032014 – Khu vực bên trong Xưởng A – F (X=1233 513; Y=590 005)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 20/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing: 21/03/2024 – 27/03/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions: Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results:

T lo	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	31,0	-	18-32
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(a)	69,4	-	40-80
	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,5	-	0,2-1,5
	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,27	8	-
	Bụi hô hấp	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,11	4	-

Chú ý/ Note:

g): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

PH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019